ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6133 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ "Đổi mới công tác giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN"

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Xét đề nghị của Viện Tài nguyên và Môi trường tại Kế hoạch Ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch Tài chính tại Tờ trình số 1111/TTr-KHTC ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ: *"**Đổi mới công tác giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN**"* với các nội dung như sau:

- Nhiệm vụ: Đổi mới công tác giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện TN&MT, ĐHQGHN
- Đơn vị chủ trì: Viện Tài nguyên và Môi trường
- Đơn vị thực hiện: Viện Tài nguyên và Môi trường
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025.
- Kinh phí thực hiện: 1.500.000.000 đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.).*

(Nội dung nhiệm vụ chi tiết tại thuyết minh kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước giao, Viện Tài nguyên và Môi trường triển khai các nội dung trong thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Viện Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 32/NĐ-CP ngày 10/4/2019 và báo cáo ĐHQGHN kết quả thực hiện trong vòng 15 ngày sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 3519/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/7/2024 của ĐHQGHN về việc phê duyệt nhiệm vụ "Đổi mới công tác giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN" phục vụ xây dựng dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính, Trưởng các ban chức năng có liên quan và Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VP, KHTC, A05, Non-e.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Nguyễn Hiệu

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

Đổi mới công tác giáo dục đào tạo vì sự phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số 6133/QĐ-ĐHQGHN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ: **Đổi mới công tác giáo dục đào tạo vì sự phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội**

2. Đơn vị thực hiện: Viện Tài nguyên và Môi trường

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025

4. Tổng kinh phí dự kiến: 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.)

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

III. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU, QUY MÔ XÂY DỰNG NHIỆM VỤ

1. Sự cần thiết

Sự nghiệp giáo dục đại học hình thành sau Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) cũng đã trải qua hơn 75 năm phát triển. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn nhất quán khẳng định, giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và giáo dục phải được ưu tiên, đi trước so với các lĩnh vực khác. Từ đó đến nay, công cuộc đổi mới giáo dục đại học được tiến hành ở Việt Nam với mục tiêu là tạo ra sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.

Sự cần thiết phải đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam được quy định bởi tình hình phát triển của đất nước và xu thế chung của thế giới. Ở trong nước, công cuộc đổi mới đã diễn ra được hơn 35 năm và ngày càng đi vào chiều sâu. Yêu cầu chuyển đổi mô hình kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu và sự cần thiết tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng chất lượng, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao đòi hỏi giáo dục đại học phải

đáp ứng nhu cầu học tập của người dân và nhanh chóng góp phần đào tạo ra đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Nếu không có sự đổi mới thì dẫn đến nguồn nhân lực kém chất lượng và sẽ là một trong những yếu tố cản trở sự phát triển của đất nước.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong thời gian qua đã được đẩy lên một cấp độ hoàn toàn mới với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật (IoT), truy cập dữ liệu thời gian thực với các nền tảng dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine Learning),...đã cung cấp một cách tiếp cận liên kết và toàn diện hơn cho các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng,... Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã kết nối vật lý với kỹ thuật số và cho phép cộng tác và truy cập tốt hơn giữa các bộ phận, đối tác, nhà cung cấp, sản phẩm và con người.

Bên cạnh đó, nhu cầu thay đổi giáo dục đại học còn xuất phát từ sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Dưới tác động của cuộc cách mạng này, kiến thức chuyên môn bị lạc hậu rất nhanh, tri thức mới và thông tin khoa học sẽ được tạo ra với cấp số nhân và có thể lưu giữ bằng những phương tiện rất gọn nhẹ. Trong môi trường "số hóa", giáo dục đại học sẽ được thay đổi mạnh mẽ từ triết lý, mục tiêu giáo dục đến vai trò của người thầy, từ phương pháp dạy học đến vị trí "trung tâm" của người học... Do đó, đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới giáo dục đại học nói riêng là một xu thế toàn cầu và Việt Nam không thể nằm ngoài xu thế đó. Hiện nay, cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia thực chất chính là cuộc cạnh tranh về nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ, cho nên, suy cho cùng, đây chính là sự cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực, yếu tố quyết định cơ hội phát triển.

Sau hơn 8 năm thực hiện chủ trương đổi mới, giáo dục đại học ở Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ. Trước hết, Việt Nam đã từng bước thể chế hóa các quan điểm, nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới giáo dục thành chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cụ thể, trong hai năm 2018 và 2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học (năm 2018) và Luật Giáo dục (năm 2019) do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo đã được Quốc hội thông qua và từng bước đi vào cuộc sống, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động đổi mới giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học được trải rộng khắp các miền đất nước, tạo điều kiện nâng cao tính công bằng trong việc tiếp cận loại hình giáo dục đại học của người dân.

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

trong đó xác định Giáo dục là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu thực hiện chuyển đổi số trước tiên. Chuyển đổi số đã, đang và sẽ là yêu cầu bắt buộc để các cơ sở giáo dục phải thực hiện để bảo đảm kế hoạch tiến độ, bảo đảm chất lượng đào tạo, bảo đảm mọi hoạt động trong tổ chức đào tạo và quản lý để hướng đến phát triển bền vững; góp phần đào tạo nhân lực có chất lượng, bảo đảm cho phát triển kinh tế. Chuyển đổi số là tiền đề xây dựng, phát triển trường học "thông minh" với các nền tảng hỗ trợ dạy-học trực tuyến/từ xa, chia sẻ tài nguyên học liệu nhằm hướng tới phổ cập hoá, cá nhân hoá các hoạt động, dịch vụ đào tạo/học tập thường xuyên, suốt đời đối với người học, đặc biệt là trong đổi mới quản trị, điều hành.

Năm 2019, giáo dục đại học Việt Nam xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới (tăng 12 bậc so với năm 2018). Công tác kiểm định và bảo đảm chất lượng ngày càng đi vào nền nếp. Tính đến ngày 31-12-2020, có 149 cơ sở giáo dục đại học và 9 trường cao đẳng sư phạm đạt tiêu chuẩn kiểm định theo bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam (chiếm khoảng 55% tổng số các trường đại học trong cả nước), trong đó có 7 trường đại học đã được công nhận bởi các tổ chức, kiểm định quốc tế. Năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam có 3 trường đại học được xếp trong nhóm 1.000 trường đại học tốt nhất thế giới (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội); 8 trường đại học của Việt Nam đã được đưa vào danh sách các trường đại học hàng đầu châu Á.

Sự thăng tiến về thứ hạng của các trường đại học đi đôi với sự tăng cường về chất lượng của đội ngũ giảng viên theo chuẩn quốc tế. Nếu như trước đây, việc công nhận học hàm giáo sư, phó giáo sư và học vị tiến sĩ không bắt buộc phải có bài báo công bố quốc tế thì từ năm 2018, quy chế mới đòi hỏi ứng viên phải có công bố quốc tế nằm trong danh mục các tạp chí có uy tín như ISI hoặc Scopus... Năm 2019, tổng số bài báo khoa học của Việt Nam được công bố trên hệ thống ISI/ Scopus là 12.475 bài, đứng thứ 49 trên thế giới (tăng 2,7 lần so với năm 2015)(1). Tính đến năm 2020, tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong toàn bộ hệ thống giáo dục Việt Nam là 6%, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ là 22,7%.

Ngoài ra, Giáo dục vì sự phát triển bền vững được Liên Hợp quốc đưa vào 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm kêu gọi đảm bảo rằng mọi người đều có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững trên nhiều cấp độ. Giáo dục chính là giải pháp, là con đường dẫn đến sự thay đổi để phát triển bền vững.

Bên cạnh những thành tựu, giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn những hạn chế. Nhìn chung, giáo dục đại học vẫn tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới; phát triển chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và chưa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Đại hội XIII của Đảng nhận định: "Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội". Vấn đề đặt ra hiện nay là, những hạn chế, yếu kém phải được nhận thức sâu sắc để từ đó tìm ra các giải pháp khắc phục nhằm đưa giáo dục đại học Việt Nam lên một tầm cao mới.

Viện Tài nguyên và Môi trường (Viện TN&MT), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một tổ chức khoa học công nghệ công lập, có chức năng đào tạo, do đó cần phải hòa nhập với xu thế chung ở trong và ngoài nước. Việc cập nhật và đổi mới giáo dục đào tạo cần đi sâu vào chương trình đào tạo, phương pháp giáo dục, quản lý giáo dục. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đào tạo sau đại học của Viện sẽ tạo ra nền tảng cho sự tiếp cận thông tin và kiến thức một cách dễ dàng, thu hẹp khoảng cách địa lý, cung cấp linh hoạt về thời gian và không gian học tập, tạo ra nhiều cơ hội học tập và phát triển bản thân cho mỗi học viên ở nhiều vùng địa lý khác nhau.

Với những lý do trên việc thực hiện nhiệm vụ **Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội** là rất cần thiết. Đó sẽ là nền tảng để nâng cao hiệu quả giáo dục tại Viện Tài nguyên và Môi trường trong tương lai.

2. Mục tiêu chung

- Mục tiêu chung của nhiệm vụ là đánh giá và nâng cao nhận thức về đổi mới giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững ở Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội từ đó đưa ra những giải pháp tạo đột phá trong đào tạo sau đại học của Viện.

3. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá được một số vấn đề chính trong đổi mới giáo dục, những cơ hội, thách thức trong công tác đào tạo theo hướng phát triển bền vững.
- Phân tích các ứng dụng công nghệ trong công tác đào tạo phục vụ đổi mới giáo dục tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Phân tích được một số mô hình giáo dục đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước;

- Lựa chọn và ứng dụng mô hình đào tạo gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn của Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ tham gia công tác đào tạo về ứng dụng công nghệ trong việc quản lý, dạy học và hướng dẫn NCS tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo sau đại học gắn liền với phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

4.1. Một số vấn đề chính liên quan tới đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học

- Nội dung 1: Vai trò của đổi mới giáo dục theo hướng phát triển bền vững.

- Nội dung 2: Phân tích, đánh giá những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác giáo dục và đào tạo.

- Nội dung 3: Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức của Viện TN&MT trong việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu phân tích, đánh giá những vấn đề chính liên quan đến đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.

4.2. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển bền vững

- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng các phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.

- Nội dung 2: Xây dựng phương pháp để xác định các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.

- Nội dung 3: Xác định các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực phục vụ triển khai ứng dụng phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.

- Nội dung 4: Xác định các biện pháp đảm bảo chất lượng đào tạo khi triển khai ứng dụng các phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu về đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.

4.3. Nghiên cứu công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Nội dung 1: Khảo sát và đánh giá , phân tích những thách thức và cơ hội mà công nghệ mang lại trong quá trình giảng dạy và học tập.

- Nội dung 2: Phân tích, đánh giá các chương trình học: Sử dụng công nghệ để phân tích và đánh giá các chương trình học hiện có, từ đó đề xuất các cải tiến và thay đổi.

- Nội dung 3: Xây dựng kịch bản, thử nghiệm các công nghệ mới trong dạy học (dạy và học trực tuyến, mô phỏng ảo, AI trong giảng dạy, ...) phù hợp đặc thù chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn tại Viện TN&MT.

- Nội dung 4: Nghiên cứu và triển khai các nền tảng học tập dựa trên công nghệ để cung cấp khả năng truy cập học tập từ xa và chia sẻ tài nguyên học tập.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu về ứng dụng công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

4.4. Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN

4.4.1. Hiện trạng các mô hình đào tạo theo hướng đổi mới giáo dục

- Nội dung 1: Các mô hình giáo dục trong công tác đào tạo.

- Nội dung 2: Phân tích, đánh giá các mô hình giáo dục theo hướng phát triển bền vững.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu phân tích về kết quả đánh giá thực trạng các mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững.

4.4.2. Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Nội dung 1: Tìm hiểu các phương pháp xây dựng mô hình giáo dục, đào tạo theo hướng bền vững.

- Nội dung 2: Xác định các yếu tố chính cho xây dựng mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung 3: Xây dựng một mô hình đào tạo theo hướng bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.

- Nội dung 4: Phân tích hiệu quả mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu về xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.4.3. Triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Nội dung 1: Cập nhật, điều chỉnh nội dung, hình thức, ứng dụng công nghệ trong đào tạo theo hướng tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ phù hợp với đặc thù lĩnh vực đào tạo tại Viện TN&MT.

- Nội dung 2: Khảo sát và đánh giá các kết quả đào tạo sau khi lựa chọn và ứng dụng mô hình đào tạo mới gắn với đặc thù chuyên môn đào tạo tại Viện TN&MT.

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu về kết quả triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.5. Nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

4.5.1. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cho cán bộ tham gia công tác đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ tham gia công tác đào tạo về ứng dụng công nghệ cho công tác dạy học, kiểm tra và đánh giá tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.5.2. Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo để tối ưu hóa quá trình giáo dục và đào tạo phục vụ cho đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.6. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng chất lượng hoạt động đào tạo sau đại học theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

Sản phẩm dự kiến: 01 bộ tài liệu về giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại, hạn chế và tiếp tục phát huy các giá trị, lợi ích trong quá trình thực hiện đổi mới hoạt động đào tạo tại đơn vị.

4.7. Báo cáo tổng kết kết quả nhiệm vụ

Sản phẩm dự kiến: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: **1.500.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn./.)*

BẢNG DỰ KIẾN KINH PHÍ

Phần I. Tóm tắt kế hoạch và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kết quả đạt được	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức, thực hiện	Dự kiến kinh phí
1	Xây dựng thuyết minh được duyệt (khảo sát thực tế và xây dựng thuyết minh)	1 Thuyết minh	01/2025-31/01/2025	Chuyên gia	28.550.000
2	Một số vấn đề chính liên quan tới đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học	01 bộ tài liệu phân tích, đánh giá những vấn đề chính liên quan đến đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.		Chuyên gia	125.876.000
2.1	Vai trò của đổi mới giáo dục theo hướng phát triển bền vững.		15/02/2025-31/03/2025	Chuyên gia	42.818.000
2.2	Phân tích, đánh giá những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác giáo dục và đào tạo.		15/02/2025-31/03/2025	Chuyên gia	45.418.000
2.3	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức của Viện TN&MT trong việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.		15/02/2025-31/03/2025	Chuyên gia	37.640.000

3	Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển bền vững			Chuyên gia	214.690.000
3.1	Đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng các phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.	01 bộ tài liệu về đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.	01/04/2025-15/05/2025	Chuyên gia	51.150.000
3.2	Xây dựng phương pháp để xác định các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.		01/04/2025-15/05/2025	Chuyên gia	48.710.000
3.3	Xác định các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực phục vụ triển khai ứng dụng phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.		01/04/2025-15/05/2025	Chuyên gia	52.960.000
3.4	Xác định các biện pháp đảm bảo chất lượng đào tạo khi triển khai ứng dụng các phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.		01/04/2025-15/05/2025	Chuyên gia	61.870.000
4	Nghiên cứu công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội			Chuyên gia	237.120.000

4.1	Khảo sát và đánh giá, phân tích những thách thức và cơ hội mà công nghệ mang lại trong quá trình giảng dạy và học tập.	01 bộ tài liệu về Ứng dụng công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	16/05/2025-30/06/2025	Chuyên gia	55.660.000
4.2	Phân tích, đánh giá các chương trình học: Sử dụng công nghệ để phân tích và đánh giá các chương trình học hiện có, từ đó đề xuất các cải tiến và thay đổi.		16/05/2025-30/06/2025	Chuyên gia	59.620.000
4.3	Xây dựng kịch bản, thử nghiệm các công nghệ mới trong dạy học (dạy và học trực tuyến, mô phỏng ảo, AI trong giảng dạy, …) phù hợp đặc thù chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn tại Viện TN&MT.		16/05/2025-30/06/2025	Chuyên gia	66.280.000
4.4	Nghiên cứu và triển khai các nền tảng học tập dựa trên công nghệ để cung cấp khả năng truy cập học tập từ xa và chia sẻ tài nguyên học tập.		16/05/2025-30/06/2025	Chuyên gia	55.560.000
5	Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN			Chuyên gia	455.230.000
5.1	Hiện trạng các mô hình đào tạo theo hướng đổi mới giáo dục			Chuyên gia	118.920.000

5.1.1	Các mô hình giáo dục trong công tác đào tạo.	01 bộ tài liệu phân tích về kết quả đánh giá thực trạng các mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững.	01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	59.460.000
5.1.2	Phân tích, đánh giá các mô hình giáo dục theo hướng phát triển bền vững.		01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	59.460.000
5.2	Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội			Chuyên gia	214.280.000
5.2.1	Tìm hiểu các phương pháp xây dựng mô hình giáo dục, đào tạo theo hướng bền vững	01 bộ tài liệu xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.	01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	52.960.000
5.2.2	Xác định các yếu tố chính cho xây dựng mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.		01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	52.960.000
5.2.3	Xây dựng một mô hình đào tạo theo hướng bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.		01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	51.150.000

5.2.4	Phân tích hiệu quả mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.		01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	57.210.000
5.3	Triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội			Chuyên gia	122.030.000
5.3.1	Cập nhật, điều chỉnh nội dung, hình thức, ứng dụng công nghệ trong đào tạo theo hướng tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ phù hợp với đặc thù lĩnh vực đào tạo tại Viện TN&MT.	01 bộ tài liệu về kết quả triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.	01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	59.460.000
5.3.2	Khảo sát và đánh giá các kết quả đào tạo sau khi lựa chọn và ứng dụng mô hình đào tạo mới gắn với đặc thù chuyên môn đào tạo tại Viện TN&MT.		01/07/2025-30/09/2025	Chuyên gia	62.570.000
6	Nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội			Chuyên gia	118.920.000
6.1	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cho cán bộ tham gia công tác đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ tham gia công tác đào tạo về ứng dụng công nghệ cho công tác dạy học, kiểm tra và đánh giá tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.	01/10/2025-15/11/2025	Chuyên gia	59.460.000

6.2	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo để tối ưu hóa quá trình giáo dục và đào tạo phục vụ cho đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.	01/10/2025-15/11/2025	Chuyên gia	59.460.000
7	Đề xuất các giải pháp nhằm nâng chất lượng hoạt động đào tạo sau đại học theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu về giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại, hạn chế và tiếp tục phát huy các giá trị, lợi ích trong quá trình thực hiện đổi mới hoạt động đào tạo tại đơn vị.	16/11/2025-15/12/2025	Chuyên gia	57.460.000
8	Báo cáo tổng kết kết quả nhiệm vụ	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ	01/10/2025-31/12/2025	Chuyên gia	68.370.000
Tổng cộng					**1.306.216.000**

(Ghi chú: Xây dựng dự toán tiền công chuyên gia áp dụng theo thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ký ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)

PHẦN II. Dự trù kinh phí thực hiện nhiệm vụ

- Tổng kinh phí: 1 500 000 000 đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Chi tiết dự toán:

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Công lao động	1.306.216.000	
2	Nguyên vật liệu, năng lượng	102.200.000	
3	Chi khác	91.584.000	
Tổng cộng		**1.500.000.000**	

A. CÔNG LAO ĐỘNG:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số người thực hiện	Số ngày công quy đổi	Định mức ngày công	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7=5*6
A	CÔNG LAO ĐỘNG (khoa học, phổ thông)					1.306.216.000
1	Xây dựng thuyết minh được duyệt (khảo sát thực tế và xây dựng thuyết minh)	1 Thuyết minh				28.550.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	5	1.300.000	6.500.000
	Chuyên gia mức 3		5	25	882.000	22.050.000
2	Một số vấn đề chính liên quan tới đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học	01 bộ tài liệu phân tích, đánh giá những vấn đề chính liên quan đến đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.				125.876.000
2.1	Vai trò của đổi mới giáo dục theo hướng phát triển bền vững.					42.818.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	8	1.300.000	10.400.000
	Chuyên gia mức 3		4	24	882.000	21.168.000

	Chuyên gia mức 4		5	25	450.000	11.250.000
2.2	Phân tích, đánh giá những khó khăn, hạn chế ảnh hưởng đến việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác giáo dục và đào tạo.					45.418.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		4	24	882.000	21.168.000
	Chuyên gia mức 4		5	25	450.000	11.250.000
2.3	Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức của Viện TN&MT trong việc đổi mới giáo dục theo hướng bền vững trong công tác đào tạo sau đại học.					37.640.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		2	5	1.300.000	6.500.000
	Chuyên gia mức 3		4	20	882.000	17.640.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
3	Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển bền vững	01 bộ tài liệu về đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.				214.690.000
3.1	Đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng các phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.					51.150.000

	Chuyên gia mức 1, mức 2		2	12	1.300.000	15.600.000
	Chuyên gia mức 3		5	25	882.000	22.050.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000
3.2	Xây dựng phương pháp để xác định các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.					48.710.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		2	5	1.300.000	6.500.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	35	450.000	15.750.000
3.3	Xác định các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực phục vụ triển khai ứng dụng phương pháp dạy học mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.					52.960.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		2	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000
3.4	Xác định các biện pháp đảm bảo chất lượng đào tạo khi triển khai ứng dụng các phương pháp mới trong đào tạo sau đại học tại Viện TN&MT.					61.870.000

	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	35	882.000	30.870.000
	Chuyên gia mức 4		6	40	450.000	18.000.000
4	Nghiên cứu công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu về Ứng dụng công nghệ phù hợp với đặc thù chuyên môn trong đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội				237.120.000
4.1	Khảo sát và đánh giá, phân tích những thách thức và cơ hội mà công nghệ mang lại trong quá trình giảng dạy và học tập.					55.660.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	36	450.000	16.200.000
4.2	Phân tích, đánh giá các chương trình học: Sử dụng công nghệ để phân tích và đánh giá các chương trình học hiện có, từ đó đề xuất các cải tiến và thay đổi.					59.620.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	35	882.000	30.870.000
	Chuyên gia mức 4		6	35	450.000	15.750.000

4.3	Xây dựng kịch bản, thử nghiệm các công nghệ mới trong dạy học (dạy và học trực tuyến, mô phỏng ảo, AI trong giảng dạy, …) phù hợp đặc thù chuyên môn trong lĩnh vực chuyên môn tại Viện TN&MT.					66.280.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	40	882.000	35.280.000
	Chuyên gia mức 4		6	40	450.000	18.000.000
4.4	Nghiên cứu và triển khai các nền tảng học tập dựa trên công nghệ để cung cấp khả năng truy cập học tập từ xa và chia sẻ tài nguyên học tập.					55.560.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	12	1.300.000	15.600.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000
5	Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN					455.230.000
5.1	Hiện trạng các mô hình đào tạo theo hướng đổi mới giáo dục	01 bộ tài liệu phân tích về kết quả đánh giá thực trạng các mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững.				118.920.000
5.1.1	Các mô hình giáo dục trong công tác đào tạo.					59.460.000

	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		5	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
5.1.2	Phân tích, đánh giá các mô hình giáo dục theo hướng phát triển bền vững.					59.460.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		5	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
5.2	Xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu về xây dựng mô hình đào tạo theo hướng phát triển bền vững áp dụng trong dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.				214.280.000
5.2.1	Tìm hiểu các phương pháp xây dựng mô hình giáo dục, đào tạo theo hướng bền vững					52.960.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		5	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
5.2.2	Xác định các yếu tố chính cho xây dựng mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào					52.960.000

	tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.					
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		5	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
5.2.3	Xây dựng một mô hình đào tạo theo hướng bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.					51.150.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	12	1.300.000	15.600.000
	Chuyên gia mức 3		5	25	882.000	22.050.000
	Chuyên gia mức 4		5	30	450.000	13.500.000
5.2.4	Phân tích hiệu quả mô hình đào tạo theo hướng bền vững gắn với đặc thù chuyên ngành đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường.					57.210.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		5	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		5	25	450.000	11.250.000

5.3	Triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu về kết quả triển khai ứng dụng thí điểm sử dụng mô hình đổi mới giáo dục theo hướng bền vững gắn với đặc thù lĩnh vực chuyên môn đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.				122.030.000
5.3.1	Cập nhật, điều chỉnh nội dung, hình thức, ứng dụng công nghệ trong đào tạo theo hướng tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ phù hợp với đặc thù lĩnh vực đào tạo tại Viện TN&MT.					59.460.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000
5.3.2	Khảo sát và đánh giá các kết quả đào tạo sau khi lựa chọn và ứng dụng mô hình đào tạo mới gắn với đặc thù chuyên môn đào tạo tại Viện TN&MT.					62.570.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	14	1.300.000	18.200.000
	Chuyên gia mức 3		4	35	882.000	30.870.000
	Chuyên gia mức 4		4	30	450.000	13.500.000

6	Nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội					118.920.000
6.1	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cho cán bộ tham gia công tác đào tạo sau đại học tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ tham gia công tác đào tạo về ứng dụng công nghệ cho công tác dạy học, kiểm tra và đánh giá tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.				59.460.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000
6.2	Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu phục vụ tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý đào tạo để tối ưu hóa quá trình giáo dục và đào tạo phục vụ cho đào tạo tiến sĩ tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội.				59.460.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	30	450.000	13.500.000

7	Đề xuất các giải pháp nhằm nâng chất lượng hoạt động đào tạo sau đại học theo hướng phát triển bền vững tại Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội	01 bộ tài liệu về giải pháp khắc phục các mặt còn tồn tại, hạn chế và tiếp tục phát huy các giá trị, lợi ích trong quá trình thực hiện đổi mới hoạt động đào tạo tại đơn vị.				57.460.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	10	1.300.000	13.000.000
	Chuyên gia mức 3		6	30	882.000	26.460.000
	Chuyên gia mức 4		6	40	450.000	18.000.000
8	Báo cáo tổng kết kết quả nhiệm vụ	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ				68.370.000
	Chuyên gia mức 1, mức 2		1	15	1.300.000	19.500.000
	Chuyên gia mức 3		6	35	882.000	30.870.000
	Chuyên gia mức 4		6	40	450.000	18.000.000
TỔNG CỘNG						**1.306.216.000**

B. NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Năm 2025
B	NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG				102.200.000	102.200.000

1	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu, tài liệu, lấy mẫu, điều tra phiếu				102.200.000	102.200.000
-	Xây dựng phiếu điều tra và lập mẫu phiếu điều tra thống kê	Phiếu	2	8.000.000	16.000.000	16.000.000
-	Phỏng vấn các Giảng viên đã và đang tham gia đào tạo TS tại Viện và một số đơn vị khác (thu thập ý kiến của 50 đối tượng x 60.000 đồng/đối tượng/phiếu)	Người	50	60.000	3.000.000	3.000.000
-	Phỏng vấn các học viên, nghiên cứu sinh ở các đơn vị khác và nghiên cứu sinh đã và đang theo học tại Viện (thu thập ý kiến của 60 đối tượng x 50.000 đồng/đối tượng/phiếu)	Người	60	50.000	3.000.000	3.000.000
-	Phương tiện đi lại (máy bay, ô tô, tàu lửa)	Chuyến	4	9.050.000	36.200.000	36.200.000
-	Phụ cấp công tác phí (5 người/chuyến * 200.000 đồng/ngày * 5 ngày/chuyến *4 chuyến). Năm 2025: 04 chuyến.	Ngày	100	200.000	20.000.000	20.000.000
-	Phụ cấp tiền ngủ (5 người/chuyến * 300.000 đêm/ngày * 4 đêm/chuyến *4 chuyến). Năm 2025: 04 chuyến.	Đêm	80	300.000	24.000.000	24.000.000
TỔNG CỘNG					**102.200.000**	**102.200.000**

C. CHI KHÁC:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Năm 2025
C	CHI KHÁC				91.584.000	91.584.000

1	Hội thảo khoa học lấy ý kiến của các chuyên gia	Cuộc	3	21.180.000	63.540.000	63.540.000
1.1	Chủ trì hội thảo (1.500.000 đồng/buổi)	người	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000
1.2	Thư ký hội thảo (500.000 đồng/buổi)	Buổi	1	500.000	500.000	500.000
1.3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo (1.9 triệu/báo cáo x 05 báo cáo)	Báo cáo	05	1.900.000	9.500.000	9.500.000
1.4	Thành viên tham dự hội thảo (200.000 đồng/người/buổi x 1 buổi x 20 người)	Người	20	200.000	4.000.000	4.000.000
1.5	Nước uống (9.000/người/buổi x 20 người x 1 buổi)	Buổi	20	9.000	180.000	180.000
1.6	In banner của Hội thảo	Cái	1	2.500.000	2.500.000	2.500.000
1.7	Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ hội thảo	Khoán chi	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000
2	Hội đồng nghiệm thu	Buổi	1		18.600.000	18.600.000
2.1	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	1.800.000	1.800.000	1.800.000
2.2	Thành viên, thư ký khoa học	Người	6	1.500.000	9.000.000	9.000.000
2.3	Thư ký hành chính	Người	1	300.000	300.000	300.000
2.4	Đại biểu tham dự (10 đại biểu x 200.000 đ/đại biểu)	Người	10	200.000	2.000.000	2.000.000

2.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng (2 phản biện x 1000.000 đ/phản biện)	Người	2	1.000.000	2.000.000	2.000.000
2.6	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng (5 người x 700.000 đ/người)	Người	5	700.000	3.500.000	3.500.000
3	Văn phòng phẩm	Khoán			6.914.000	6.914.000
TỔNG CỘNG					**91.584.000**	**91.584.000**